TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2021.
"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Diễm Huyền.
2. Ông Huỳnh Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 16/3/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Thạch Thị T, sinh năm 1978 (có mặt).

* *Bị đơn*: Lý Thanh M, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã K, huyện K1, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Năm 2011 bà T và ông Thanh M tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã K, huyện K1, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/4/2011. Quá trình chung sống, bà T và ông Thanh M có 03 con chung tên Thạch Thị N, sinh ngày 10/7/2002; Thạch Thị G, sinh ngày 18/11/2004 và Thạch Hoàng D, sinh ngày 15/3/2012.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng có sự bất đồng về quan điểm sống, ông Thanh M thường xuyên đập phá đồ đạc trong nhà, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên bà T và ông Thanh M đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: *Về hôn nhân*: Bà T yêu cầu ly hôn với ông Lý Thanh M; *Về con chung*: Bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên N, Gấm và Diễn vì hiện các con đang sống chung

với bà T, bà không yêu cầu ông Thanh M phải cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* *Đối với bị đơn là ông Lý Thanh M*: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Thanh M nhưng ông không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Thanh M.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, do ông Thanh M vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Tuy nhiên thời gian đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà T được ly hôn chồng là ông Thanh M. Về con chung: Giao cháu G và cháu D cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Thanh M cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên N đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn là ông Lý Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Lý Thanh M.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T và ông Lý Thanh M tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong

quá trình chung sống, bà T và ông Thanh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng ông bà không tìm biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài. Mặt khác, ông Thanh M đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn, để vợ chồng đoàn tụ, vì quan hệ hôn nhân là phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên nhưng ông Thanh M không tham gia. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, bà Lý Thị U là em gái của ông Thanh M cung cấp thông tin như sau: Bà T và ông Thanh M sống ly thân đã một thời gian, ông Thanh M hiện nay đang đi làm thuê ở xa, thỉnh thoảng ông Thanh M có điện thoại cho bà và có về quê thăm anh em bà. Lúc về quê thì ông Thanh M thường ngủ tại nhà của bà Út. Khi bà T khởi kiện xin ly hôn với ông Thanh M thì ông Thanh M có biết nhưng do ông Thanh M đi làm xa không về tham dự được. Ông Thanh M có nói là ông đồng ý ly hôn với bà T; về con chung thì con muốn sống chung với ông thì ông đồng ý nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng; về tài sản thì không yêu cầu gì.

Từ đó cho thấy, sau khi phát sinh mâu thuẫn thì bà T và ông Thanh M không tìm biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung khổng thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Biên bản xác minh ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách

Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông Thanh M có 03 người con chung tên Thạch Thị N, sinh ngày 10/7/2002; Thạch Thị G, sinh ngày 18/11/2004 và Thạch Hoàng D, sinh ngày 15/3/2012.

Xét thấy, từ khi bà T và ông Thanh M sống ly thân đến nay thì cháu G và cháu D vẫn sống chung với bà T, được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và bà T có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi các con. Hai cháu G và Diễn cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ là bà T sau khi cha mẹ hai cháu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu G và cháu D cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu, ổn định môi trường sống cho hai cháu và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu G và cháu D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Thanh M cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Thạch Thị N, sinh ngày 10/7/2002 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Thạch Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T được ly hôn với ông Lý Thanh M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Thị G, sinh ngày 18/11/2004 và Thạch Hoàng D, sinh ngày 15/3/2012 cho bà Thạch Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà Thạch Thị T không yêu cầu ông Lý Thanh M cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Thạch Thị N, sinh ngày 10/7/2002 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Lý Thanh M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Thạch Thị T được miễn án phí sơ thẩm, do thuộc trường hợp hộ nghèo theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006638 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt (ông Lý Thanh M) được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã K, huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm Huyền **Huỳnh Khởi** **Tô Thị Bích Duyên**